

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN EA KAR  
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

Bản án số: **08/2022/DS-ST**

Ngày 25/3/2022

*“V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA KAR, TỈNH ĐẮK LẮK**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

-Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Tuấn.

-Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Trọng Khánh và ông Nguyễn Đức Ba.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Yến – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Nguyệt - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 3 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ea Kar xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 230/2021/TLST- DS ngày 22 tháng 11 năm 2021, về việc *“Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”*; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2022/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 02 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2022/QĐST-DS, ngày 09 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị V, sinh năm 1964. (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn T, xã X, huyện Ea, tỉnh Đắk Lắk.

- Bị đơn: Bà Phạm Thị T và ông Nguyễn Đức T.

Địa chỉ: Thôn T, xã X, huyện Ea, tỉnh Đắk Lắk.

(Vắng mặt không có lý do)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\*Theo nội dung Đơn khởi kiện đề ngày 10 tháng 10 năm 2021, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa nguyên đơn bà Trần Thị V trình bày:*

Vào ngày 16/02/2021 (ÂL) ông Nguyễn Đức T, bà Phạm Thị T có vay của tôi số tiền 90.000.000 đồng, thời hạn trả nợ vào tháng 7 năm 2021 (âl) sẽ trả cả gốc và lãi. Đến hạn do ông Nguyễn Đức T, bà Phạm Thị T không trả nợ, tôi đã nhắc nhở nhiều lần nhưng ông T, bà T không có thiện chí trả nợ gốc và lãi cho tôi như đã hứa hẹn. Tôi đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Đức T, bà Phạm Thị T phải trả cho tôi số tiền vay gốc là 90.000.000 đồng (Chín mươi triệu đồng)

Về tiền lãi: Trong khi xác lập việc vay mượn, mặc dù chúng tôi không ghi lãi suất trong giấy vay, nhưng chúng tôi thỏa thuận với nhau lãi suất là 2%/tháng. Từ ngày vay đến nay ông T, bà T chưa trả cho tôi khoản tiền lãi nào. Nay tôi đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông T, bà T phải trả cho tôi số tiền lãi theo quy định của pháp luật từ ngày vay cho đến khi trả nợ xong.

*\*Tại bản tự khai và biên bản lấy lời khai ngày 15/12/2021 bị đơn ông Nguyễn Đức T, bà Phạm Thị T trình bày:*

Vào ngày 16/02/2021 (AL) tức ngày 28/3/2021 DL vợ chồng tôi có vay tiền

của bà Trần Thị V, với số tiền là 50.000.000 đồng, sau đó ông Nguyễn Đức T có vay thêm của bà V 7.000.000 đồng (Không nhớ ngày cụ thể). Tổng cộng là 57.000.000 đồng, khi vay bà V bắt chúng tôi ký vào sổ tay của bà V, thời hạn thanh toán vào tháng 7/2021 âm lịch với lãi suất thỏa thuận bằng miệng là 2%/tháng. Do hoàn cảnh mất mùa nên chúng tôi chưa trả cho bà V số tiền vay và lãi. Nay bà Trần Thị V khởi kiện yêu cầu chúng tôi phải trả số tiền vay là 90.000.000 đồng và tiền lãi là không đúng, vì chúng tôi chỉ vay số tiền 57.000.000 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Ea Kar tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định để bị đơn thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng để bảo vệ quyền lợi của mình, nhưng bị đơn ông T, bà T không tới làm việc, không nêu lý do vắng mặt, nên không thể hòa giải được. Căn cứ khoản 3 Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án nhân dân huyện Ea Kar đưa vụ án ra xét xử.

#### *Phản tranh luận*

Nguyên đơn bà Trần Thị V giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Đề nghị Hội đồng xét xử buộc ông Nguyễn Đức T, bà Phạm Thị T phải trả số tiền vay gốc là 90.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật kể từ ngày vay cho đến khi trả nợ xong.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar phát biểu ý kiến:

*Về tố tụng:* Thẩm phán, Thư ký và Hội thẩm nhân dân đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn, đã thực hiện các quyền, nghĩa vụ của mình trong quá trình tham gia tố tụng. Bị đơn Nguyễn Đức T, bà Phạm Thị T không tham gia làm việc theo giấy triệu tập là không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa bị đơn ông Nguyễn Đức T, bà Phạm Thị T vắng mặt lần thứ 2 không có lý do chính đáng. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

*Về nội dung:* Sau khi phân tích các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ kiện, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 463, Điều 468 Bộ luật dân sự Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn ông Nguyễn Đức T, bà Phạm Thị T trả cho bà Trần Thị V số tiền 90.000.000 đồng vay gốc và lãi suất theo quy định của pháp luật và buộc ông Nguyễn Đức T, bà Phạm Thị T phải chịu án phí theo đúng quy định của pháp luật.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Đây là vụ án “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, bị đơn bà Phạm Thị T, ông Nguyễn Đức T, trú tại huyện Ea, tỉnh Đắk Lắk. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án nhân dân huyện Ea Kar giải quyết là đúng thẩm quyền.

Tại phiên tòa đồng bị đơn bà Phạm Thị T, ông Nguyễn Đức T vắng mặt lần thứ 2 không có lý do chính đáng. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định.

[2] *Về Nội dung:*

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về khoản tiền nợ gốc.

Trong quá trình thu thập chứng cứ ông Nguyễn Đức T, bà Phạm Thị T cho rằng: Vào khoảng ngày 16/02/2021 (AL) ông Nguyễn Đức T, bà Phạm Thị T có vay của bà Trần Thị V 50.000.000 đồng, sau đó ông Nguyễn Đức T có vay thêm của bà V 7.000.000 đồng, việc vay mượn có ký xác nhận trong sổ của bà V. Mặc dù ông Nguyễn Đức T, bà Phạm Thị T không thừa nhận vay của bà V số tiền là 90.000.000 đồng, cho rằng chỉ vay số tiền 57.000.000 đồng, lời khai này không được bà V chấp nhận, nhưng ông T, bà T không xuất trình được chứng cứ, tài liệu để chứng minh cho yêu cầu của mình đưa ra là có căn cứ pháp luật. Dù ông T, bà T không thừa nhận vay của bà V số tiền 90.000.000 đồng, nhưng tại biên bản đối chất ngày 05/01/2022, thì ông T, bà T lại thừa nhận, chữ ký và chữ viết “*Phạm Thị T*” và “*Nguyễn Đức T*” dưới mục “*Người vay ký*” trong Giấy cho vay ngày 16/2/2021 là do ông T và bà T là người trực tiếp ký và viết ra. Nên có cơ sở khẳng định ông Nguyễn Đức T, bà Phạm Thị T vay của bà Trần Thị V số tiền 90.000.000 đồng là có thực.

Ông Nguyễn Đức T, bà Phạm Thị T thừa nhận, từ ngày vay đến nay chưa thanh toán cho bà Trần Thị V khoản tiền gốc, lãi nào. Như vậy, ông Nguyễn Đức T, bà Phạm Thị T đã vi phạm cam kết, vi phạm nghĩa vụ của bên vay theo quy định tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự. Cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Nguyễn Đức T, bà Phạm Thị T phải trả cho bà Trần Thị V số tiền nợ gốc là 90.000.000 đồng (*Chín mươi triệu đồng*) là có căn cứ.

[2.2] Xét yêu cầu tiền lãi: Tại đơn khởi kiện ngày 10/10/2021 và tại phiên tòa, bà Trần Thị V đề nghị Tòa án buộc ông Nguyễn Đức T, bà Phạm Thị T phải trả tiền lãi từ ngày vay 16/02/2021 ÂL (tức ngày 23/3/2021 DL) cho đến ngày khởi kiện. Xét thấy, trong Giấy vay không thể hiện lãi vay, quá trình thu thập chứng cứ, các bên đương sự thừa nhận lãi suất thỏa thuận là 2%/tháng. Căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự không cần phải chứng minh.

Mặc dù các bên thỏa thuận với nhau lãi suất là 2%/tháng, nhưng mức lãi suất này cao hơn so với quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự, nên cần phải điều chỉnh lại cho phù hợp với quy định của pháp luật, cụ thể như sau.

Tiền lãi ngày 28/3/2021 đến ngày 25/3/2022 là 90.000.000 đồng x 362 ngày 20% : 365= 17.852.054 đồng.

Do ông Nguyễn Đức T, bà Phạm Thị T chưa trả được khoản tiền lãi vay. Cần buộc ông Nguyễn Đức T, bà phạm Thị T phải trả cho bà Trần Thị V số tiền lãi trên là phù hợp.

[3] Xét quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar là có căn cứ cần chấp nhận toàn bộ.

[4] Bị đơn ông Nguyễn Đức T, bà Phạm Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

*Vì các lẽ trên;*

**QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 463, Điều 466; khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị V,

1. Buộc bà ông Nguyễn Đức T, bà Phạm Thị T phải trả cho bà Trần Thị V số tiền nợ gốc là 90.000.000 đồng và tiền lãi (*tạm tính từ ngày 16/02/2021 đến ngày 25/3/2022*) là 17.852.054 đồng. Tổng cộng là 107.852.054 đồng (*Một trăm lẻ bảy triệu tám trăm năm mươi hai nghìn không trăm năm mươi tư đồng*)

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí: ông Nguyễn Đức T, bà Phạm Thị T phải nộp 5.392.603 đồng (*Năm triệu ba trăm chín mươi hai nghìn sáu trăm lẻ ba đồng*) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch (*theo mức 107.852.054 đồng x 5%*).

Hoàn trả cho bà Trần Thị V 2.545.500 đồng (*Hai triệu năm trăm bốn mươi lăm nghìn năm trăm đồng*) tiền tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ea Kar theo biên lai thu số 0005638, ngày 22/11/2021.

**3. Về quyền kháng cáo:** Nguyên đơn có quyền kháng cáo án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ nơi đương sự cư trú.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các Điều 6, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện EaKar;
- Chi cục THADS huyện Ea Kar;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Mạnh Tuấn**

